Chi tiết mã HS 8505.11.00

Mã HS	8505.11.00
Mô tả hàng hóa	Nam châm điện; nam châm vĩnh cửu và các mặt hàng được dùng làm nam châm vĩnh cửu sau khi từ hóa; bàn cặp, giá kẹp và các dụng cụ để giữ tương tự, hoạt động bằng nam châm điện hoặc nam châm vĩnh cửu; các khớp nối, ly hợp và phanh hoạt động bằng điện từ; đầu nâng hoạt động bằng điện từ / - Nam châm vĩnh cửu và các mặt hàng được dùng làm nam châm vĩnh cửu sau khi từ hóa: / - - Bằng kim loại
Đơn vị	kg/chiếc
Thời điểm tạo	09/11/2026 23:31:28
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/85051100/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K15063
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N15063
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q15063
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E14360
ATIGA	2022	2022	0	AT!E14301
ATIGA	2023	2023	0	AT!F14301
ATIGA	2024	2024	0	AT!G14301
ATIGA	2025	2025	0	AT!H14301
ATIGA	2026	2026	0	AT!I14301
ATIGA	2027	2027	0	AT!J14301
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E14355
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F14355
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G14355
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H14355

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I14355
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J14355
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E14356
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F14356
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G14356
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H14356
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I14356
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J14356
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F14359
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H14307
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F14315
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G14315
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H14315
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I14315
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J14315
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K14315
VKFTA	2022	2022	0	VK!E14346
VKFTA	2023	2023	0	VK!F14346
VKFTA	2024	2024	0	VK!G14346
VKFTA	2025	2025	0	VK!H14346
VKFTA	2026	2026	0	VK!I14346
VKFTA	2027	2027	0	VK!J14346
VCFTA	2022	2022	0	VC!D14401
VCFTA	2023	2023	0	VC!E14401
VCFTA	2024	2024	0	VC!F14401
VCFTA	2025	2025	0	VC!G14401

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H14401
VCFTA	2027	2027	0	VC!I14401
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D14378
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E14378
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F14378
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G14378
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H14378
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I14378
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D14378
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E14378
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F14378
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G14378
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H14378
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I14378
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D14393
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E14393
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F14393
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G14393
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H14393
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I14393
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D14392
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E14392
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F14392
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G14392
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H14392
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I14392

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D14385
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E14385
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F14385
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G14385
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H14385
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I14385
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J14385
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D14380
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E14380
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F14380
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G14380
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H14380
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I14380
RCEP B	2022	2022	0	B!D14380
RCEP B	2023	2023	0	B!E14380
RCEP B	2024	2024	0	B!F14380
RCEP B	2025	2025	0	B!G14380
RCEP B	2026	2026	0	B!H14380
RCEP B	2027	2027	0	B!I14380
RCEP C	2022	2022	0	C!D14380
RCEP C	2023	2023	0	C!E14380
RCEP C	2024	2024	0	C!F14380
RCEP C	2025	2025	0	C!G14380
RCEP C	2026	2026	0	C!H14380
RCEP C	2027	2027	0	C!I14380
RCEP D	2022	2022	0	D!D14379

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E14379
RCEP D	2024	2024	0	D!F14379
RCEP D	2025	2025	0	D!G14379
RCEP D	2026	2026	0	D!H14379
RCEP D	2027	2027	0	D!I14379
RCEP E	2022	2022	0	E!D14383
RCEP E	2023	2023	0	E!E14383
RCEP E	2024	2024	0	E!F14383
RCEP E	2025	2025	0	E!G14383
RCEP E	2026	2026	0	E!H14383
RCEP E	2027	2027	0	E!I14383
RCEP F	2022	2022	0	F!D14380
RCEP F	2023	2023	0	F!E14380
RCEP F	2024	2024	0	F!F14380
RCEP F	2025	2025	0	F!G14380
RCEP F	2026	2026	0	F!H14380
RCEP F	2027	2027	0	F!I14380
VIFTA	2024	2024	0	VI!F13377
VIFTA	2025	2025	0	VI!G13377
VIFTA	2026	2026	0	VI!H13377
VIFTA	2027	2027	0	VI!I13377

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8505.11.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8505.11.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N15063), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.